

Số: 2286/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 05 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh sách trúng tuyển đào tạo trình độ
thạc sĩ đợt 1 năm 2025 của Trường Đại học Vinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Nghị quyết số 38/NQ-HĐT ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh.

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông báo số 32/TB-ĐHV ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-ĐHV ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 về điểm chuẩn trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 430 thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 của Trường Đại học Vinh (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi của học viên cao học quy định trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, SĐH.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Bá Tiến

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
98	82500711	Vũ Thị Ánh	12/04/2003	Động vật học	8,80	
99	82500797	Tiết Nguyễn Hà Việt Hưng	12/07/2003	Động vật học	8,74	
100	82500774	Nguyễn Xuân Sang	31/03/2003	Động vật học	7,69	
101	82500239	Nguyễn Ngọc Luân	14/11/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,88	
102	82500483	Đặng Hà Phương	23/10/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,76	
103	82500420	Nguyễn Thị Hường	13/08/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,71	
104	82500391	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/07/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,70	
105	82500287	Phạm Hồng Nhung	12/01/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,59	
106	82500546	Nguyễn Thị Trà Giang	19/08/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,55	
107	82500563	Đặng Thị Ngọc Trâm	10/11/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,54	
108	82500411	Lý Hồng Bảo Khánh	22/08/1997	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,51	
109	82500152	Lê Thị Tường Vân	24/07/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,47	
110	82500490	Nguyễn Thị Thái Hà	19/11/1997	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,44	
111	82500405	Nguyễn Hải Hiệp	10/02/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,41	
112	82500682	Trần Thị Lâm Oanh	26/06/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,36	
113	82500181	Nguyễn Thị Linh Hương	08/11/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,30	
114	82500612	Tôn Nữ Hà Trang	09/03/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,28	
115	82500191	Đoàn Thị Tuyết	25/04/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,28	
116	82500010	Lê Thị Hồng Ngọc	19/02/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,28	
117	82500331	Nguyễn Bích Ngọc	24/11/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,26	
118	82500785	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/08/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,21	
119	82500635	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/04/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,18	
120	82500360	Đinh Thị Việt Hà	09/01/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,18	
121	82500359	Dương Đặng Thu Trang	07/07/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,18	
122	82500766	Hứa Thị Hoài Thương	14/10/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,16	
123	82500393	Phạm Thị Thương Thảo	24/03/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,14	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
124	82500200	Nguyễn Thị Hải Yến	09/09/1999	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,10	
125	82500143	Ngô Tôn Khánh Linh	20/02/1994	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,10	
126	82500798	Bùi Thị Thùy Trang	28/12/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,10	
127	82500034	Trần Thị Thềm	16/03/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,08	
128	82500033	Nguyễn Yến Nhi	05/09/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,06	
129	82500597	Chu Trần Quỳnh Giang	29/11/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,04	
130	82500062	Hồ Thị Thu	17/06/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,04	
131	82500190	Lương Thị Thanh Nhân	14/04/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,03	
132	82500501	Nguyễn Thị Thảo	16/10/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	8,00	
133	82500415	Nguyễn Hoàng Anh Thư	20/08/1998	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,98	
134	82500222	Võ Cẩm Ly	02/10/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,98	
135	82500118	Nguyễn Thị Vân Anh	06/11/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,98	
136	82500387	Nguyễn Thị Tú Uyên	22/12/1984	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,94	
137	82500256	Trần Thị Hà	24/09/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,93	
138	82500291	Trần Thị Thuý Chi	31/10/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,93	
139	82500269	Dương Thị Nga	21/01/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,92	
140	82500525	Lê Thị Thanh Hồng	21/05/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,92	
141	82500376	Nguyễn Thị Thanh Trang	02/02/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,91	
142	82500690	Dương Bảo Loan	29/05/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,91	
143	82500613	Lô Thị Diệu Bình	31/01/1999	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,90	
144	82500162	Dương Thế Sự	31/03/1991	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,89	
145	82500770	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	15/07/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,88	
146	82500216	Võ Phượng Hằng	16/03/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,87	
147	82500021	Mai Lan Hương	18/01/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,86	
148	82500148	Chế Thị Hoài Thư	08/10/1998	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,86	
149	82500666	Phạm Thị Huyền Trang	17/07/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,85	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
150	82500103	Trần Thúy An	20/11/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,85	
151	82500412	Nguyễn Thị Nhật Bình	16/09/1992	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,84	
152	82500545	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/03/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,84	
153	82500538	Đậu Thị Thanh	20/09/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,83	
154	82500028	Lê Xuân Hiếu	22/07/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,82	
155	82500013	Nguyễn Thị Kim Chi	14/11/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,82	
156	82500318	Thái Thị Hương Nguyên	12/09/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,81	
157	82500046	Trần Hồng Quân	02/11/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,78	
158	82500229	Hồ Phương Thảo	03/12/1998	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,77	
159	82500702	Trần Thị Thanh Thảo	15/01/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,76	
160	82500255	Nguyễn Hà Nhi	06/11/1999	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,76	
161	82500807	Hồ Phương Chi	24/02/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,75	
162	82500444	Trần Thị Hà Trang	09/05/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,73	
163	82500763	Trần Thị Mai	27/12/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,71	
164	82500541	Nguyễn Khánh Vy	29/08/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,70	
165	82500149	Lê Thị Minh Thúy	31/03/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,70	
166	82500032	Nguyễn Thị Linh Chi	12/06/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,69	
167	82500543	Nguyễn Quỳnh Trang	20/01/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,67	
168	82500745	Cao Thị Hiếu	02/09/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,66	
169	82500624	Thái Thị Chúc	20/12/2001	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,65	
170	82500564	Hoàng Thị Hồng	01/11/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,65	
171	82500301	Đặng Thị Việt Nga	06/11/2000	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,65	
172	82500016	Trương Thị Hồng Diệp	16/02/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,63	
173	82500234	Ngô Lưu Bảo Ngọc	31/08/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,62	
174	82500677	Nguyễn Thị Thương	19/11/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,60	
175	82500656	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/04/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,58	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
176	82500282	Lê Thị Minh	04/12/1996	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,58	
177	82500648	Lô Thị Thuý Hiền	27/11/2003	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,56	
178	82500129	Hoàng Thị Thủy	10/06/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,55	
179	82500323	Võ Thị Phương Thảo	20/06/2002	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,54	
180	82500496	Võ Thị Huyền Trang	02/11/1995	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	7,52	
181	82500839	Trần Thị Thu Hằng	17/01/2003	Hóa hữu cơ	8,53	
182	82500051	Đặng Thị Vân	26/07/1991	Hóa hữu cơ	8,08	
183	82500782	Nguyễn Thị Thùy Trâm	14/09/2003	Hóa hữu cơ	7,75	
184	82500672	Lê Doãn Nhân	05/08/2003	Hóa hữu cơ	7,40	
185	82500343	Đoàn Thị Nhân	22/12/1985	Hóa hữu cơ	7,33	
186	82500060	Trần Thị Như Hương	18/03/1975	Hóa hữu cơ	7,08	
187	82500311	Kiều Thị Thanh Tú	01/01/2002	Hóa hữu cơ	7,01	
188	82500716	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/10/2003	Hóa phân tích	8,55	
189	82500705	Lê Thị Khánh Chi	01/08/2003	Hóa phân tích	7,66	
190	82500270	Nguyễn Thảo Đan	27/12/2001	Hóa phân tích	7,57	
191	82500719	Đậu Thị Kim Ngọc	28/10/2003	Hóa phân tích	7,45	
192	82500712	Trần Thị Phương Thảo	05/05/2003	Hóa phân tích	7,41	
193	82500755	Lê Quang Trung	28/08/2003	Hóa phân tích	7,16	
194	82500055	Phan Minh Tú	30/09/1996	Hóa phân tích	7,05	
195	82500169	Phùng Mạnh Khang	17/11/1986	Hóa phân tích	6,97	
196	82500717	Nguyễn Hữu Đạt	03/01/2003	Hóa vô cơ	7,92	
197	82500703	Phan Thị Ánh Nguyệt	21/05/2003	Hóa vô cơ	7,73	
198	82500699	Cao Nguyễn Hoàng Anh	27/05/2003	Hóa vô cơ	7,70	
199	82500750	Trần Thị Phương Thảo	06/09/2003	Hóa vô cơ	7,55	
200	82500701	Nguyễn Trúc Linh	11/11/2003	Hóa vô cơ	7,11	
201	82500116	Lê Thị Na	'8/1/2001	Kế toán	8,62	